

Số: **57** /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày **11** tháng **4** năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Thực hiện Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; sau khi xem xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 562/TTr-SNN ngày 02/3/2023 và Báo cáo số 976/BC-SNN ngày 03/4/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, với các nội dung sau đây:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- a) Bảo đảm thực hiện thành công mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược; Kế hoạch thực hiện Chiến lược đã đề ra đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- b) Phân giao nhiệm vụ cụ thể và cơ chế phối hợp cho các đơn vị thuộc UBND tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

##### **2. Yêu cầu**

- a) Bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo và phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Chiến lược và các nội dung, tiến độ Kế hoạch thực hiện Chiến lược giữa các đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- b) Phân giao nhiệm vụ, nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị.

#### **II. NỘI DUNG**

##### **1. Tuyên truyền, phổ biến**

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược, Kế hoạch thực hiện đến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn;
- Tổ chức phát động Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm, triển khai các hoạt động hưởng ứng;
- Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; hướng dẫn người dân chủ động tích, trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, ngập lụt;



- Đa dạng loại hình truyền thông, kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin; gắn kết chặt chẽ với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, các nhân và cộng đồng tổ chức truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

## **2. Cơ chế, chính sách, tăng cường thực thi pháp luật**

- Rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về nước sạch và vệ sinh nông thôn;

- Hướng dẫn, cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, hỗ trợ trong hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; cơ chế, chính sách tín dụng đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình nước sạch và vệ sinh nông thôn;

- Rà soát, hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật về hoạt động cấp nước sạch nông thôn;

- Nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với công tác cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; hướng dẫn thi hành pháp luật về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh nông thôn, phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan;

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn.

## **3. Tổ chức bộ máy**

- Tiếp tục đánh giá hiện trạng hệ thống cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với quản lý khai thác vận hành;

- Tổ chức, rà soát sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước, tự chủ về tài chính theo quy định của pháp luật;

- Thành lập, củng cố, kiện toàn các tổ chức quản lý khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn phù hợp với đặc thù vùng, miền, quy mô hệ thống công trình, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng vì lợi ích giữa các thành viên và gắn với xây dựng nông thôn mới, phát huy vai trò chủ thể của người sử dụng nước.

## **4. Nguồn nhân lực**

- Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, đa dạng hóa nội dung và hình thức đào tạo, chú trọng thực hành, giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra;

- Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực công chức, viên chức làm về hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý ở cơ sở trong công tác lập kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn;

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình; ưu tiên đội ngũ quản lý, vận hành mô hình công trình cộng đồng quản lý.



## **5. Đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước sạch nông thôn**

- Tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp, gồm: Ngân sách trung ương, địa phương, doanh nghiệp, vốn ODA... để đầu tư phát triển hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo hướng đầu tư gắn với khai thác, quản lý vận hành theo quy hoạch, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu;

- Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế - xã hội, huy động sự tham gia, đóng góp của người dân trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước, vệ sinh môi trường nông thôn, hỗ trợ thí điểm hoạt động cấp nước quy mô hộ gia đình phù hợp với vùng miền để nhân rộng mô hình;

- Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sạch bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững, gắn với giám sát quản lý vận hành công trình;

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung quy mô lớn, đồng bộ, liên xã, liên huyện, kết nối với hệ thống cấp nước đô thị ở những nơi phù hợp để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững;

- Ưu tiên sử dụng nguồn nước từ hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng cho cấp nước sinh hoạt;

- Ưu tiên đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, ô nhiễm nguồn nước;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung cho vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*(Có Phụ lục I danh mục các dự án dự kiến đầu tư thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh kèm theo)*

## **6. Về vệ sinh môi trường nông thôn**

### **a) Vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng**

- Triển khai, nhân rộng phong trào cộng đồng không phóng uế bừa bãi, hướng tới thay đổi nhận thức, hành vi vệ sinh của người dân, tăng tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, góp phần đạt được mục tiêu “Một Việt Nam không còn phóng uế bừa bãi” vào năm 2025;

- Quy định “tỷ lệ hộ gia đình nông thôn, trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn” trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

- Ứng dụng và phổ biến các giải pháp công nghệ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tiếp cận đồng bộ dịch vụ vệ sinh an toàn gắn với truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường.



### b) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn; quy định tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tập trung trong chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh, huyện, xã;

- Thí điểm áp dụng các mô hình công nghệ thu gom và xử lý nước thải chi phí thấp, hạn chế hóa chất, sử dụng năng lượng tái tạo, ít phát sinh chất thải thứ cấp phù hợp với đặc điểm và quy mô khu dân cư nông thôn tập trung để nhân rộng mô hình;

- Huy động các nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách thông qua áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp trong sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí, thủ tục hành chính, kinh phí đầu tư và sau đầu tư.

### c) Xử lý chất thải chăn nuôi

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích áp dụng các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn;

- Quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mùi, khí thải, nước thải; chất thải rắn phát sinh từ cơ sở chăn nuôi không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường. Hộ chăn nuôi, chủ trang trại chăn nuôi chịu trách nhiệm xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng quy định;

- Thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ người dân xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và xử lý chất thải chăn nuôi.

## **7. Quản lý vận hành công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn**

- Hướng dẫn các chính sách hỗ trợ đầu tư, quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Xây dựng phương án giá nước và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn; thực hiện bù chéo chi phí trong quản lý vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tiếp tục rà soát các công trình cấp nước sạch nông thôn hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy định;

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức quản lý khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn phù hợp với đặc thù của vùng, miền;



- Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

- Huy động các nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải thông qua áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp trong sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí, thủ tục hành chính, kinh phí đầu tư và sau đầu tư.

### **8. Giám sát đánh giá**

- Cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đảm bảo tin cậy, hiệu quả;

- Tăng cường giám sát chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước, xả chất thải, nước thải không đúng quy định; huy động sự tham gia, giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

### **9. Khoa học công nghệ**

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe người dân, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp với khả năng chi trả của người dân;

- Sử dụng, ứng dụng vật liệu mới, tận dụng nguyên vật liệu địa phương trong xây dựng công trình, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình;

- Thu gom, xử lý và trữ nước mưa đảm bảo chất lượng; công nghệ xử lý nước hộ gia đình đảm bảo vận hành đơn giản, hiệu quả; khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, sóng, gió... trong sản xuất nước sạch và xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi.

### **10. Hợp tác quốc tế**

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế tham gia, hỗ trợ hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn;

- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế phục vụ đề xuất cơ chế, chính sách trong công tác cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn;

- Chủ động, tham gia, mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế liên quan đến hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; trao đổi thông tin, chuyển giao công nghệ, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm và huy động nguồn lực trong hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.



### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan chủ trì thực hiện Chiến lược; chủ trì phối hợp với các Sở, ngành tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược thuộc địa bàn tỉnh;

- Tổ chức đánh giá hiện trạng hệ thống cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với quản lý khai thác vận hành; rà soát sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước, tự chủ về tài chính theo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn thành lập, củng cố, kiện toàn các tổ chức quản lý khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn phù hợp với đặc thù vùng, miền, quy mô hệ thống công trình, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng vì lợi ích giữa các thành viên và gắn với xây dựng nông thôn mới, phát huy vai trò chủ thể của người sử dụng nước;

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*trong đó, đối tượng được hưởng hỗ trợ là các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có dự án cung cấp nước sạch nông thôn, các đơn vị sự nghiệp công lập về được giao quản lý, cung cấp dịch vụ nước sạch nông thôn, các tổ chức, đơn vị quản lý khai thác vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn*);

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành;

- Chỉ đạo Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn xây dựng Chiến lược cấp nước nông thôn và đề án xã hội hóa cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045;

- Triển khai xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước và vệ sinh trên địa bàn tỉnh theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật bảo đảm sớm đạt được các mục tiêu của Chiến lược;

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và địa phương xây dựng phương án xử lý chất thải chăn nuôi tại các hộ chăn nuôi, trang trại trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn triển khai quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành, trong đó quy định cụ thể chế tài xử lý, trách nhiệm các cấp, các ngành, chủ đầu tư, chủ quản lý, khai thác vận hành công trình;



- Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố, thị xã, Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định.

## **2. Sở Y tế**

- Phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược thuộc địa bàn tỉnh;

- Phối hợp thực hiện việc lồng ghép các nội dung Chiến lược vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan;

- Tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy chuẩn, chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn địa phương ban hành quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức truyền thông, thông tin nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước và vệ sinh trạm y tế.

## **3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cấp nước, vệ sinh trong trường học và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Chiến lược theo chức năng quản lý nhà nước được giao.

## **4. Sở Xây dựng**

- Phối hợp với UBND cấp huyện, chỉ đạo các đơn vị thoát nước trên địa bàn quản lý thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn tập trung thuộc ranh giới quản lý của UBND cấp huyện và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt mục tiêu của Chiến lược theo chức năng quản lý nhà nước được giao;

- Hướng dẫn thực hiện các quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về xây dựng công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn tập trung;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế trong việc ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về nước sạch và vệ sinh nông thôn;

- Thẩm định kế hoạch cấp nước do các đơn vị lập trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch cấp nước và hướng dẫn, triển khai kế hoạch cấp nước an toàn theo quy định; tăng cường công tác giám sát đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

## **5. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan lồng ghép nội dung Kế hoạch này vào Quy hoạch tỉnh, quy hoạch khác có liên quan và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chương trình, dự án khác có liên quan;



- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; tham mưu bố trí vốn cho chương trình, dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn; tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung nông thôn kết nối từ hệ thống cấp nước đô thị ở những nơi phù hợp để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững.

## **6. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nội dung thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo khả năng và phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược trên địa bàn tỉnh; thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn theo quy định.

## **7. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước;

- Tổ chức lập quy hoạch quỹ đất sử dụng cho việc đầu tư xây dựng các chương trình dự án để thực hiện hoàn thành Chiến lược;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ nguồn nước, xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các quy định trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

## **8. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thái Nguyên**

Rà soát, cập nhật, sửa đổi bổ sung chính sách tín dụng về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; tạo điểm ưu đãi và lãi suất cho vay đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư và quản lý sau đầu tư các dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh; tạo động lực cho việc thực hiện xã hội hóa đầu tư đối với lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược.

## **9. UBND các huyện, thành phố**

- Triển khai xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước và vệ sinh trên địa bàn theo phân cấp ngân sách nhà nước, quy định của pháp luật và Kế hoạch của UBND tỉnh đảm bảo sớm đạt được các mục tiêu của Chiến lược;

- Chịu trách nhiệm triển khai công tác quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành, trong đó quy định cụ thể chế tài xử lý, trách nhiệm các cấp, các ngành, chủ đầu tư, chủ quản lý, khai thác, vận hành công trình.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*



Trên đây là Kế hoạch về thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, Y tế, GD&ĐT, TN&MT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm nước SH&VSMTNT;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Bình**





**Phụ lục I**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA  
VỀ CẤP NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM  
2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Kế hoạch số **57** /KH-UBND ngày **11** tháng **4** năm 2023  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục	Địa điểm thực hiện	Đơn vị Tính	Quy mô đầu tư	Hình thức đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
<b>A</b>	<b>GIAI ĐOẠN 2022-2025</b>					
	<b>Nông nghiệp - Hạ tầng Nông nghiệp</b>					
	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025	Các xã trên địa bàn tỉnh	23 công trình	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp sửa chữa công trình cấp nước SH nông thôn	Đầu tư công	108.433
<b>B</b>	<b>GIAI ĐOẠN 2026-2030</b>					
	<b>Nông nghiệp - Hạ tầng Nông nghiệp</b>					
	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030	Các xã trên địa bàn tỉnh	56 công trình	Công suất thiết kế 1.000-1.500m <sup>3</sup> /ngày đêm/công trình	Đầu tư công	1.120.000
<b>C</b>	<b>ĐỊNH HƯỚNG 2045</b>					
	<b>Nông nghiệp - Hạ tầng Nông nghiệp</b>					
	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2031-2045	Các xã trên địa bàn tỉnh	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng và xây mới các công trình cấp nước nông thôn	Công suất thiết kế 1.000-3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm/công trình	Đầu tư công	2.500.000



**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ CẤP NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN  
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**  
(Kèm theo Kế hoạch số 57 /KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Phụ lục II



TT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Sản phẩm	Cấp ban hành/ thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	
						Bắt đầu	Kết thúc
1	Xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đặc biệt tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan	Năm 2023	
2	Trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan		
3	Thực hiện việc lồng ghép các nội dung Chiến lược vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan			Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Y tế, Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	
4	Triển khai xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước và vệ sinh trên địa bàn tỉnh theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật bảo đảm sớm đạt được các mục tiêu của Chiến lược	Công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn		Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Các Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	



TT	Nội dung, hoạt động thực hiện	Sản phẩm	Cấp ban hành/thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	
						Bắt đầu	Kết thúc
5	Hướng dẫn triển khai quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành, trong đó quy định cụ thể chế tài xử lý, trách nhiệm các cấp, các ngành, chủ đầu tư, chủ quản lý, khai thác vận hành công trình			Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2023	